|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH LÂM ĐỒNG**  Số: /KH-UBND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Lâm Đồng, ngày tháng 02 năm 2023* |

**KẾ HOẠCH**

**Phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn tỉnh Lâm Đồng**

**giai đoạn 2023-2030**

Triển khai Quyết định số 1609/QĐ-TTg ngày 26/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “Hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn giai đoạn 2022-2030”, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023-2030 với các nội dung chủ yếu như sau:

**I. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI**

Trẻ em, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và cơ sở giáo dục mầm non thuộc các huyện nghèo, thôn, xã khó khăn, đặc biệt khó khăn; các thôn, xã khó khăn, đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; các thôn, xã thuộc vùng khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban Dân tộc, cơ quan có thẩm quyền (sau đây gọi chung là vùng khó khăn) và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

**II. MỤC TIÊU**

1. Mục tiêu chung

Hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn. Tăng cơ hội của trẻ em được tiếp cận giáo dục mầm non có chất lượng, trên cơ sở phấn đấu bảo đảm các điều kiện về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất trường, lớp học. Bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục, góp phần rút ngắn khoảng cách phát triển giữa các vùng miền; góp phần xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế, xã hội; bảo tồn và phát huy bền vững các giá trị văn hóa cho vùng có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Đối với trẻ em:

- Đến năm 2025: có 15% trẻ em trong độ tuổi nhà trẻ và 80% trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo vùng khó khăn được đến cơ sở giáo dục mầm non, trong đó có 30% trẻ em trong các cơ sở giáo dục mầm non được tăng cường tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ phù hợp theo độ tuổi; có ít nhất 50% các huyện tập trung đông trẻ em người dân tộc thiểu số có mô hình về tăng cường tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ;

- Đến năm 2030: có 20% trẻ em trong độ tuổi nhà trẻ và 90% trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo vùng khó khăn được đến cơ sở giáo dục mầm non, trong đó có 60% trẻ em trong các cơ sở giáo dục mầm non được tăng cường tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ phù hợp theo độ tuổi; có ít nhất 80% các huyện tập trung đông trẻ em người dân tộc thiểu số có mô hình về tăng cường tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ;

- Hằng năm, 100% trẻ em trong các cơ sở giáo dục mầm non vùng khó khăn được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo chương trình giáo dục mầm non phù hợp với điều kiện vùng miền, dân tộc và đặc điểm riêng của trẻ.

b) Đối với giáo viên:

- Đến năm 2025: bồi dưỡng 30% giáo viên biết sử dụng tiếng mẹ đẻ của trẻ;

- Đến năm 2030: bồi dưỡng 60% giáo viên biết sử dụng tiếng mẹ đẻ của trẻ; phấn đấu bảo đảm định mức giáo viên/nhóm, lớp theo quy định.

c) Đối với cơ sở giáo dục mầm non:

Đến năm 2030: phấn đấu xóa bỏ 100% phòng học nhờ, phòng học tạm; xây mới trường học theo dự báo quy hoạch mạng lưới trường lớp mầm non của các địa phương; bổ sung đủ bộ đồ chơi ngoài trời, bộ đồ chơi trong lớp cho trường học mới và phòng học mới do tăng quy mô.

**III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP**

1. Rà soát, đề xuất hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn

a) Rà soát, đề xuất xây dựng bổ sung chính sách hỗ trợ đối với trẻ em và cơ sở giáo dục mầm non vùng khó khăn, nhất là đối tượng trẻ em nhà trẻ, bao gồm một số chính sách: hỗ trợ ăn trưa, miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập;

b) Phấn đấu bảo đảm định mức giáo viên/nhóm, lớp theo quy định đối với vùng khó khăn, ưu tiên đối với giáo viên dạy nhóm, lớp tại điểm lẻ ở các vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng sông nước;

c) Đề xuất xây dựng, bổ sung cơ chế chính sách đối với đội ngũ giáo viên vùng khó khăn, nhất là đội ngũ trực tiếp dạy trẻ em người dân tộc thiểu số; hoàn thiện các chính sách đào tạo theo địa chỉ, cử tuyển và tuyển dụng, sử dụng đối với đội ngũ giáo viên là người địa phương dạy trẻ em người dân tộc thiểu số; thực hiện đầy đủ, kịp thời cơ chế thu hút, động viên giáo viên công tác lâu dài ở vùng khó khăn;

d) Đề xuất cơ chế chính sách đầu tư cơ sở vật chất, trường lớp: ưu tiên đầu tư kinh phí để xóa phòng học nhờ, phòng học tạm; xây dựng nhà công vụ cho giáo viên; mua sắm đồ dùng học tập đáp ứng nhu cầu phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn.

2. Nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non vùng khó khăn, bồi dưỡng đội ngũ cộng tác viên hỗ trợ ngôn ngữ

a) Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cán bộ quản lý, giáo viên về: công tác quản lý, triển khai chương trình giáo dục mầm non phù hợp với đặc điểm trẻ em vùng khó khăn và phương pháp, kỹ năng thực hiện giáo dục song ngữ, tăng cường tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ em người dân tộc thiểu số, đặc biệt quan tâm đến trẻ em nhà trẻ, trẻ mẫu giáo bé mới ra lớp; tham quan chia sẻ học tập mô hình điểm;

b) Bồi dưỡng tiếng dân tộc cho giáo viên dạy trẻ em người dân tộc thiểu số;

c) Tổ chức tập huấn bồi dưỡng đội ngũ cộng tác viên hỗ trợ ngôn ngữ, thực hiện giáo dục song ngữ trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ em;

d) Triển khai nội dung giáo dục song ngữ, tăng cường tiếng Việt cho trẻ em người dân tộc thiểu số trên cơ sở tiếng mẹ đẻ trong chương trình đào tạo giáo viên mầm non tại trường cao đẳng;

3. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất

a) Có kế hoạch, lộ trình, giải pháp xây dựng nhà công vụ cho giáo viên, xóa phòng học nhờ, phòng học tạm, bổ sung phòng học còn thiếu, mua sắm thêm đồ dùng học tập tại vùng khó khăn đáp ứng nhu cầu tới trường, lớp của trẻ em, quan tâm đến đối tượng trẻ em nhà trẻ, mẫu giáo bé; bổ sung tài liệu, học liệu phục vụ việc tăng cường tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ và nâng chất lượng giáo dục mầm non vùng khó khăn;

b) Chú trọng bổ sung đồ dùng đồ chơi trong và ngoài lớp, xây dựng mô hình môi trường giáo dục đậm đà văn hóa, bản sắc dân tộc, phát huy ưu thế của vùng miền, có cảnh quan môi trường phù hợp nhất với trẻ và văn hóa riêng của cơ sở; tạo dựng và nhân rộng mô hình điểm làm nơi tập huấn, chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm về chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo dục mầm non vùng khó khăn.

4. Triển khai chương trình giáo dục mầm non phù hợp với vùng khó khăn, phù hợp với đặc điểm tiếp nhận và văn hóa, ngôn ngữ mẹ đẻ của trẻ em

a) Triển khai chương trình giáo dục mầm non phù hợp với điều kiện vùng miền, phù hợp với đặc điểm của trẻ em người dân tộc thiểu số. Rà soát, điều chỉnh chương trình, linh hoạt đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục mầm non phù hợp với vùng khó khăn, đặc điểm tiếp nhận và văn hóa, ngôn ngữ mẹ đẻ của trẻ;

b) Chú trọng khai thác yếu tố văn hóa bản địa trong tổ chức, thực hiện chương trình giáo dục mầm non đối với trẻ em vùng khó khăn, trẻ em người dân tộc thiểu số;

c) Tổ chức tập huấn và chia sẻ tài liệu, học liệu thân thiện, phù hợp với trẻ em tại các cơ sở giáo dục mầm non vùng khó khăn; đẩy mạnh tập huấn việc thực hiện chương trình và phương pháp giáo dục phù hợp đối với đội ngũ giáo viên trực tiếp dạy trẻ em người dân tộc thiểu số;

d) Tăng cường chuẩn bị tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ em; xây dựng và bảo đảm duy trì môi trường tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ trong các cơ sở giáo dục mầm non có trẻ em người dân tộc thiểu số; quan tâm đến đối tượng trẻ nhà trẻ, trẻ mẫu giáo mới ra lớp chưa nói được tiếng Việt.

5. Huy động các nguồn lực phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn

a) Huy động nguồn lực xã hội và cộng đồng

- Hình thành cơ chế, khuyến khích tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước đầu tư xây dựng trường, lớp mầm non. Vận động sự tham gia của toàn dân và các tổ chức xã hội, xã hội nghề nghiệp; phát huy sáng kiến của cộng đồng phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn;

- Huy động cán bộ, chiến sỹ quân đội tham gia dạy tiếng Việt cho cha, mẹ và người chăm sóc trẻ em là người dân tộc thiểu số; động viên, khuyến khích cán bộ hưu trí, các hội viên, đoàn viên của các tổ chức đoàn thể, nhất là đoàn thanh niên, hội liên hiệp phụ nữ, hội khuyến học tham gia hỗ trợ tăng cường tiếng Việt cho cha, mẹ và các hoạt động thiết thực khác cho trẻ em người dân tộc thiểu số;

- Khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đóng góp kinh phí, sách vở, tài liệu, học liệu, đồ dùng, đồ chơi hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn.

b) Tăng cường công tác phối hợp liên ngành

- Tăng cường công tác phối hợp, huy động sức mạnh, phát huy vai trò của cả hệ thống chính trị; các ban ngành có liên quan, đặc biệt là vai trò của ban dân tộc, hội phụ nữ, đoàn thanh niên trong hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn; nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em ở gia đình và cộng đồng;

- Lồng ghép triển khai các nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch này với Kế hoạch vận động nguồn lực xã hội hỗ trợ trẻ em các xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2019-2025.

c) Đẩy mạnh hợp tác quốc tế

Huy động nguồn lực từ các tổ chức quốc tế hỗ trợ về tài chính, kỹ thuật; hợp tác và tiếp thu có chọn lọc các phương pháp tiến bộ trong việc nâng chất lượng giáo dục mầm non, tăng cường tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ cho trẻ em người dân tộc thiểu số, phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn.

6. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về Kế hoạch thực hiện Chương trình

a) Đẩy mạnh công tác truyền thông, phổ biến về sự cần thiết, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, các bậc cha mẹ, giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục và cộng đồng đối với việc đầu tư, chăm lo phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn;

b) Hình thành chuyên trang, chuyên mục trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm nâng cao nhận thức đối với các cấp chính quyền, cộng đồng, cha mẹ trẻ, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước trong việc đầu tư, chăm lo phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn;

c) Tuyên truyền, hỗ trợ các bậc cha, mẹ, người chăm sóc trẻ trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, tăng cường tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ. Biên soạn tài liệu truyền thông, tập huấn về thực hiện giáo dục mầm non phù hợp với đặc điểm vùng miền, về chuẩn bị tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ cho cha, mẹ trẻ em là người dân tộc thiểu số, cộng đồng vùng đồng bào dân tộc thiểu số;

d) Phối hợp chặt chẽ với các già làng, trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng để vận động các gia đình người dân tộc thiểu số tạo điều kiện cho con, em đến trường, lớp mầm non và học 2 buổi/ngày.

**IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

1. Nguồn kinh phí

a) Nguồn chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo; lồng ghép từ nguồn vốn của các chương trình, dự án (các Chương trình mục tiêu quốc gia: phát triển kinh tế, xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025) được cấp có thẩm quyền giao trong kế hoạch hằng năm theo phân cấp quản lý hiện hành;

b) Nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được giao và giai đoạn 2026-2030 phù hợp khả năng cân đối của ngân sách nhà nước theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư công;

c) Nguồn xã hội hóa giáo dục và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

2. Việc lập và triển khai thực hiện kế hoạch tài chính theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các quy định hiện hành về kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch tài chính trung hạn của Nhà nước.

**V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện Kế hoạch này;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Dân tộc tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn sử dụng, ưu tiên nguồn vốn thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia để thực hiện Kế hoạch;

c) Lựa chọn tài liệu nguồn phù hợp, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cán bộ quản lý, giáo viên nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em người dân tộc thiểu số về công tác quản lý, phát triển, đổi mới nội dung, phương pháp thực hiện chương trình giáo dục mầm non phù hợp với đặc điểm trẻ em vùng khó khăn; phương pháp, kỹ năng thực hiện giáo dục song ngữ, tăng cường tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ phù hợp với đối tượng trẻ em người dân tộc thiểu số;

d) Triển khai Chương trình bồi dưỡng tiếng dân tộc cho giáo viên nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em người dân tộc thiểu số;

đ) Hỗ trợ xây dựng và triển khai thực hiện mô hình thí điểm về tăng cường tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ cho trẻ em người dân tộc thiểu số; triển khai xây dựng, điều chỉnh phần mềm tăng cường tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ phù hợp với đặc thù trẻ dân tộc thiểu số của địa phương;

e) Kiểm tra, đánh giá, tổng hợp kết quả triển khai thực hiện, tổ chức sơ kết, tổng kết, định kỳ hằng năm báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo, UBND tỉnh.

2. Ban Dân tộc tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo nghiên cứu, đề xuất cụ thể hóa các nhiệm vụ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế, xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 vào việc triển khai thực hiện nhiệm vụ, giải pháp để đạt được các mục tiêu của Kế hoạch;

b) Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, các sở, ban, ngành, địa phương tăng cường công tác truyền thông nâng cao nhận thức về phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn, tăng cường tiếng Việt đối với trẻ em người dân tộc thiểu số trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ; kiểm tra việc triển khai thực hiện Kế hoạch.

3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo nghiên cứu, đề xuất cụ thể hóa các nhiệm vụ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 vào việc triển khai thực hiện nhiệm vụ, giải pháp để đạt được các mục tiêu của Kế hoạch; chỉ đạo, giám sát việc thực hiện các chính sách có liên quan đối với giáo viên và trẻ em mầm non vùng khó khăn theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

b) Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, các sở, ban, ngành, địa phương tăng cường công tác tuyên truyền, vận động xã hội và nâng cao năng lực để thực hiện Kế hoạch; bảo đảm việc thực hiện quyền trẻ em tại vùng khó khăn trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo nghiên cứu, đề xuất cụ thể hóa các nhiệm vụ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 vào việc triển khai thực hiện nhiệm vụ, giải pháp để đạt được các mục tiêu của Kế hoạch.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh bố trí vốn đầu tư công hằng năm của các dự án đã có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn theo quy định; tổ chức thẩm định, đề xuất chủ trương đầu tư, thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn các dự án đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công và các quy định hiện hành.

6. Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện các hoạt động của Kế hoạch theo quy định pháp luật.

7. Sở Nội vụ: Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát công tác tuyển dụng, hợp đồng, sử dụng, đãi ngộ, khen thưởng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục mầm non ở vùng khó khăn.

8. Sở Thông tin và Truyền thông: Chủ trì công tác tuyên truyền, phổ biến về mục đích, ý nghĩa và sự cần thiết của Kế hoạch nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, các bậc cha, mẹ, giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục và cộng đồng đối với việc đầu tư, chăm lo phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn.

9. Các sở, ban, ngành liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch.

10. UBND các huyện, thành phố

a) Chỉ đạo xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện tại địa phương, gửi Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo, UBND tỉnh;

b) Bố trí kinh phí triển khai và bảo đảm hiệu quả kế hoạch tại địa phương;

c) Ban hành các cơ chế chính sách cần thiết của địa phương, đẩy mạnh xã hội hóa huy động nguồn vốn hợp pháp khác để từng bước hoàn thiện cơ sở vật chất trường, lớp, trang thiết bị đồ dùng đồ chơi, học liệu trong các cơ sở giáo dục mầm non, đặc biệt tại các nhóm, lớp, các điểm lẻ để nâng cao chất lượng giáo dục địa phương;

d) Hỗ trợ giáo viên dạy trẻ em người dân tộc thiểu số học tiếng dân tộc tại địa phương nơi giáo viên công tác;

đ) Triển khai chương trình xây dựng nhà công vụ cho giáo viên, xóa phòng học nhờ, phòng học tạm, bổ sung số phòng học còn thiếu cho vùng khó khăn theo Luật Đầu tư công và các quy định khác của pháp luật;

e) Quan tâm, ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phù hợp với tình hình thực tế của các trường mầm non vùng khó khăn;

g) Chỉ đạo, tổ chức, chủ động tạo nguồn, đào tạo bồi dưỡng, tuyển dụng, bố trí, bổ sung biên chế giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục mầm non, nhân viên vùng khó khăn thuộc địa phương bảo đảm thực hiện mục tiêu Kế hoạch;

h) Tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá, tổng hợp kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch trên địa bàn.

11. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; Tỉnh đoàn Lâm Đồng; Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh; Hội Nông dân tỉnh; Hội Khuyến học tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, tham gia tổ chức triển khai Kế hoạch này; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức đầu tư, chăm lo, hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn

Trong quá trình thực hiện Kế hoạch này, các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố kịp thời phản ánh những khó khăn, vướng mắc và định kỳ đánh giá kết quả thực hiện, gửi Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Bộ GDĐT;  - TT TU; TT HĐND tỉnh;  - Các PCT UBND tỉnh;  - Như mục V;  - Lưu VT, VX­1. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **KT. CHỦ TỊCH**  **PHÓ CHỦ TỊCH**  **Phạm S** |